| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NGHĨA HƯNG**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 35/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 15 - 03 - 2023
V/v ly hôn giữa chị Nguyễ n Thị N và anh Ngụ Vă n A

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**T□A ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Phạm Văn Chủng.
*Các hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Lê Đức Chạc.
2. Bà Dương Thị Vui.

***- Thư ký phiên toà***: Ông Vũ Quang Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị Nguyễ n Thị N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ dõn phố X, thị trấ n M, huyệ n N0, tỉ nh Nam Đị nh.

* *Bị đơn*: Anh Ngụ Vă n A, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ dõn phố X, thị trấ n M, huyệ n N0, tỉ nh Nam Đị nh.

Tại phiên tũa vắng mặt chị N, anh A.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cũng như lời khai của chị N thể hiện: chị và anh Ngô Văn A kết hôn với nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 27/12/2010 tại Uỷ ban nhân dân

thị trấn M, huyện Nghĩa Hưng. Sau khi kết hôn, vợ chồng đi làm ăn ở nhiều nơi, sau đó về làm công nhân ở xã NM, huyện N0. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung và do anh A ham chơi, nợ nần. Mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng lớn, chị N cảm thấy quá mệt mỏi và ngột ngạt. Từ tháng 06/2022, chị N đã đi làm ăn xa, hai vợ chồng sống ly thân, ít khi liên lạc cho đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị xin được ly hôn với anh A. Về con chung: Chị N xác định chị và anh A có ba con chung là Ngụ Nguyễ n Bả o H, sinh ngày 02/01/2012; Ngụ Nguyễ n Minh C, sinh ngày 30/10/2013 và Ngụ Minh K, sinh ngày 05/4/2020, hiện các cháu đang ở với anh A. Sau khi ly hôn, chị N đồng ý để anh A tiếp tục nuôi cả ba cháu Ngụ Nguyễ n Bả o H, Ngụ Nguyễ n Minh C và Ngụ Minh K; chị N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tũa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay anh Ngụ Vă n A vắng mặt nhưng có lời khai xác định: Anh đồng ý với ý kiến của chị N về quá trình kết hôn, chung sống. Trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng có những mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn không lớn, vợ chồng cũng có những xụ xát. Từ tháng 06/2022, chị N đã đi làm ăn xa không về, anh A không biết nguyên nhân là gì. Hiện hai vợ chồng sống ly thân. Chị N nhất quyết ly hôn thì anh A cũng nhất trí ly hôn. Về con chung: anh A cũng có lời khai thống nhất như chị N đã trình bày. Sau khi ly hôn, anh A xin tiếp tục nuôi cả ba cháu Ngụ Nguyễ n Bả o H, Ngụ Nguyễ n Minh C và Ngụ Minh K và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh A. Về con chung: Giao cho anh A tiếp tục nuôi ba cháu Ngụ Nguyễ n Bả o H, Ngụ Nguyễ n Minh C và Ngụ Minh K; chị N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: không đặt ra xem xét, giải quyết; đề nghị áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nghị quyết 326/2016/UBTVQH/14, đề nghị Toà án tuyên án phí chị N phải nộp là 300.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tũa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tũa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Đương sự không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tũa (có đề nghị xét xử vắng mặt); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Toà án tiến hành mở phiên toà xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị N và anh A trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 27/12/2010 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn M, huyện N0 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị N, anh A có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp, không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 06/2022 cho đến nay, chị N, anh A đã sống ly thân và không còn tình cảm với nhau. anh A, chị N đều nhất trí ly hôn nên xử thuận tình ly hôn giữa chị N và anh A là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị N, anh A có ba con chung là Ngụ Nguyễ n Bả o H, sinh ngày 02/01/2012; Ngụ Nguyễ n Minh C, sinh ngày 30/10/2013 và Ngụ Minh K, sinh ngày 05/4/2020, hiện các cháu đang ở với anh A. Sau khi ly hôn, anh A, chị N đều có ý kiến nhất trí để anh A tiếp tục nuôi cả ba cháu Ngụ Nguyễ n Bả o H, Ngụ Nguyễ n Minh C và Ngụ Minh K. Do vậy giao cho anh A tiếp tục nuôi ba cháu Ngụ Nguyễ n Bả o H, Ngụ Nguyễ n Minh C và Ngụ Minh K là phù hợp, đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần và theo nguyện vọng của hai cháu Bảo Hân, Minh Châu, theo Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: anh A, chị N không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội.

1. Xử thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễ n Thị N và anh Ngụ Vă n A.

2. Về con chung: Giao anh Ngụ Vă n A trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung là Ngụ Nguyễ n Bả o H, sinh ngày 02/01/2012; Ngụ Nguyễ n Minh C, sinh ngày 30/10/2013 và Ngụ Minh K, sinh ngày 05/4/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị Nguyễ n Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc con chung;

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễ n Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai số 0000773 ngày 11/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng, chị N đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai vắng mặt chị N, anh A. Bảo cho ngư ờ i cú mặ t biết, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏ a thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***
- Tũa án Tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Nghĩa Hưng: 02 bản
- THADS huyện Nghĩa Hưng: 01 bản
- UBND TT Liễu Đề: 01 bản
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**Phạm Văn Chúng**